

ỨNG DỤNG VBDLIS TRONG LÀM GIÀU, LÀM SẠCH CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI TẠI TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Đình Trung¹, Nguyễn Quang Thi^{2,*}

¹ Học viện Nông nghiệp Việt Nam

² Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

*Email: nguyenquangthi@tuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp ứng dụng phần mềm VBDLIS trong chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai (CSDLĐĐ) tại tỉnh Nghệ An. Các phương pháp được sử dụng gồm: Thu thập tài liệu, số liệu; đánh giá theo thang đo Likert và phân tích SWOT. Kết quả điều tra 36 cán bộ cho thấy, VBDLIS giữ vai trò quan trọng trong triển khai các nhiệm vụ của chiến dịch với 14/15 nhóm tiêu chí được đánh giá ở mức tốt và 1/15 tiêu chí ở mức rất tốt. Kết thúc chiến dịch, tỉnh Nghệ An đã hoàn tất tổ chức CSDLĐĐ theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; tổng số thửa đất đã được đưa vào cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về đất đai thuộc nhóm I là 574.028, chiếm tỷ lệ 49%; số thửa đất đã đồng bộ lên CSDL quốc gia về đất đai là 1.165.302; tạo lập mới vào hệ thống CSDL cấp tỉnh dữ liệu 105.688 thửa đất. Tuy nhiên, một số nội dung còn hạn chế, đó là rà soát, phân loại, xác thực và khai thác dữ liệu. Nghiên cứu đã chỉ ra các lợi thế, hạn chế, cơ hội và thách thức trong ứng dụng phần mềm, đồng thời đề xuất một số giải pháp (kỹ thuật, tổ chức vận hành, chuẩn dữ liệu và liên thông, khai thác dữ liệu và tạo giá trị gia tăng, chính sách và bảo đảm nguồn lực) nhằm nâng cao hiệu quả khai thác CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An.

Từ khóa: VBDLIS, cơ sở dữ liệu, quản lý đất đai, tỉnh Nghệ An.

1. BẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, chuyển đổi số được quan tâm và ưu tiên hàng đầu với mục tiêu Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử, đồng thời xác định chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa [1, 2]. Tuy nhiên, chuyển đổi số tại Việt Nam đang chịu nhiều áp lực, đồng thời có nhiều cơ hội để vươn mình ra thế giới [3].

Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật [4]. Hệ thống thông tin và CSDL là công cụ giúp lưu trữ, cập nhật và quản lý tập trung toàn bộ thông tin về thửa đất, người sử dụng đất (SDĐ) và biến động đất đai một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời [5]. Hoàn thiện CSDLĐĐ là một nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý và SDĐ [6]. Thực hiện Kế hoạch 515/KH-BCA-BNN&MT [7], chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ quốc gia được triển khai nhằm xây dựng hệ thống dữ liệu đáp ứng yêu cầu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”. Hệ

thống thông tin đất đai Vietbando - VBDLIS được khuyến nghị sử dụng trong thực hiện nhiệm vụ trên [8, 9]. Phần mềm này như một hệ thống thông tin đất đai tích hợp, cho phép số hóa và đồng bộ các nghiệp vụ quản lý đất đai (QLĐĐ) [10], góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai [11], đồng thời hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo hướng hiện đại, hiệu quả [12]. Nghiên cứu này phân tích khả năng ứng dụng và đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh ứng dụng VBDLIS trong vận hành, làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai tại tỉnh Nghệ An.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp thu thập số: Số liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan Nhà nước và từ các công trình nghiên cứu đã công bố. Số liệu sơ cấp được thu thập qua điều tra ngẫu nhiên theo mẫu phiếu soạn sẵn từ các cán bộ tham gia chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An từ ngày 01/9/2025 đến 30/11/2025. Để đảm bảo độ tin cậy thống kê ($n > 30$), số lượng phiếu điều tra

là 36 phiếu, đối tượng điều tra là chọn ngẫu nhiên những cán bộ công tác tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (VPĐKĐĐ).

- Phương pháp xử lý số liệu: Sử dụng thang đo Likert (Likert, 1932 [13]) để đánh giá theo các tiêu chí điều tra với 5 mức đánh giá từ mức rất cao/rất đúng/rất đồng ý (tương ứng với 5 điểm) đến mức rất kém/không đúng/không đồng ý (tương ứng với 1 điểm). Thang đánh giá chung được tính theo điểm trung bình là: Rất tốt: $\geq 4,20$; tốt: $3,40 - < 4,20$; trung bình (TB): $2,60 - < 3,40$; ít kém: $1,80 - < 2,60$; rất kém: $< 1,80$ điểm.

- Phương pháp SWOT: Để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong ứng dụng VBDLIS trong làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDL đất đai tại tỉnh Nghệ An

Thực hiện Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tỉnh Nghệ An đã sáp nhập từ 412 xã, phường, 20 huyện, thành phố, thị xã còn 130 xã, phường, gồm 119 xã và 11 phường (có 9 xã không thực hiện sắp xếp). Diện tích tự nhiên là 1.648.607,6905 ha; trong đó đất nông nghiệp có 1.479.396,8466 ha; chiếm 89,74%; đất phi nông nghiệp có 14.7186,5454 ha; chiếm 8,93%. Đất đã giao cho các đối tượng để sử dụng là 1.528.395,79 ha, chiếm 92,71% diện tích tự nhiên; đất giao để quản lý là 120.211,90 ha; chiếm 7,29% [14]. Giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đạt khoảng 8,3 - 8,5%/năm. Quy mô GRDP gấp 1,7 lần, GRDP bình quân đầu người gấp 1,67 lần so với năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực, tỷ trọng công nghiệp tăng nhanh, dịch vụ phát triển đa dạng, nông nghiệp chuyển dịch mạnh trong nội ngành theo hướng nâng cao hiệu quả. Năng suất lao động tăng bình quân 8,2%/năm. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 40%. Thu ngân sách nhà nước gấp 1,7 lần mục tiêu đề ra, chi đầu tư phát triển gấp 1,43 lần so với giai đoạn 2016 - 2020. Đầu tư công được quản lý, phân bổ và sử dụng có trọng tâm, trọng điểm, cơ bản khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài [15].

Theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDL quốc gia về đất đai [7], các nhiệm vụ chủ yếu của chiến dịch được tập trung gồm: Hoàn thiện và chuẩn hóa CSDLĐĐ hiện có theo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”; đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu đất đai của 34 địa phương với CSDLĐĐ quốc gia và các CSDL quốc gia khác theo hướng thống nhất, dùng chung; xây dựng, bổ sung dữ liệu đất ở và nhà ở tại các địa phương chưa hoàn thiện CSDL, gắn với xác thực thông tin và số hóa dữ liệu trên nền tảng VNeID; tăng cường công tác quản lý, vận hành CSDLĐĐ gắn với cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Tỉnh Nghệ An hiện có 68 đơn vị hành chính cấp xã mới (trước đây thuộc 12 đơn vị hành chính cấp huyện cũ gồm: Thành phố Vinh, thị xã Hoàng Mai, Thái Hòa, các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Nghi Lộc, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thành và Nghĩa Đàn) đã được xây dựng CSDLĐĐ theo dự án VILG và 62 đơn vị hành chính cấp xã mới (trước đây thuộc 9 đơn vị hành chính cấp huyện cũ gồm: Đô Lương, Anh Sơn, Con Cuông, Tân Kỳ, Kỳ Sơn, Quỳnh Hợp, Quế Phong, Tương Dương và Quỳnh Châu) chưa được xây dựng CSDLĐĐ. Tổng số thửa đất đã được xây dựng CSDLĐĐ là 985.349, chiếm khoảng 50% của toàn tỉnh [16].

Kết quả điều tra cho thấy, trong 36 người trả lời có 24 người có trình độ đại học và 12 người có trình độ sau đại học, 13 cán bộ có số năm công tác trên 10 năm, 14 cán bộ có số năm công tác từ 5 - 10 năm, 9 cán bộ có thời gian công tác dưới 5 năm. Kết quả xử lý số liệu cho thấy, trước khi thực hiện Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT [7], thực trạng CSDLĐĐ tỉnh Nghệ An được cán bộ đánh giá ở mức trung bình với 3,33 điểm, điều đó phản ánh sự chưa hoàn thiện của CSDLĐĐ. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu tại tỉnh Hưng Yên (với mức điểm 3,22) [17]. Trong đó, tiêu chí “mức độ đầy đủ 3 khối thông tin: Không gian, thuộc tính và hồ sơ quét” là tiêu chí duy nhất trong nhóm này được đánh giá ở mức tốt với 3,64 điểm. Bốn tiêu chí còn lại đều được đánh giá ở mức trung bình với số điểm từ 3,08 - 3,39 điểm.

Về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT) được cán bộ đánh giá ở mức tốt với 3,43 điểm. Trong đó, tiêu chí “hạ tầng đường truyền

kết nối từ VPĐKĐĐ cấp tỉnh đến các Chi nhánh VPĐKĐĐ và ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường” được đánh giá ở mức tốt với 3,53 điểm. Tuy nhiên, khu vực trung tâm và đồng bằng hệ thống này tốt hơn so với các xã miền núi có điều kiện đặc biệt khó khăn.

Về kết quả xây dựng CSDLĐĐ và đồng bộ dữ liệu, kết nối, liên thông điện tử với các sở, ngành và triển khai dịch vụ công trực tuyến được đánh giá ở mức tốt; trong đó 3/4 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt, chỉ có CSDL giá đất của các đơn vị cấp huyện (cũ) được đánh giá ở mức trung bình với 2,94 điểm. CSDL địa chính tại các đơn

vị hành chính cấp xã tại các khu vực phát triển của tỉnh đã được hoàn chỉnh, tuy nhiên ở các xã miền núi đang tiếp tục được quan tâm, cập nhật và dần hoàn thiện. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến được đánh giá ở mức tốt với 3,78 điểm, vì vậy việc liên thông thuế điện tử giữa cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan thuế được đánh giá tốt với 3,94 điểm. Tuy nhiên, việc đồng bộ CSDL địa chính lên CSDL quốc gia và kết nối với cổng dịch vụ công vẫn chỉ ở mức trung bình (điểm lần lượt 2,97 và 3,28), phản ánh khoảng trống trong quá trình liên thông theo chiều dọc và tích hợp đa nền tảng.

Bảng 1. Hiện trạng CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An trước khi triển khai chiến dịch

Tiêu chí	Điểm trung bình	Đánh giá
<i>1. Về hạ tầng kỹ thuật CNTT</i>	<i>3,43</i>	<i>Tốt</i>
- Hạ tầng đường truyền kết nối từ VPĐKĐĐ cấp tỉnh đến các Chi nhánh VPĐKĐĐ và UBND các xã, phường	3,53	Tốt
- Các máy chủ, máy trạm và thiết bị ngoại vi	3,33	TB
<i>2. Kết quả xây dựng CSDLĐĐ</i>	<i>3,47</i>	<i>Tốt</i>
- CSDL địa chính tại các đơn vị hành chính cấp xã	3,50	Tốt
- CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	3,83	Tốt
- CSDL quy hoạch, kế hoạch SĐĐ cấp tỉnh và cấp huyện (cũ)	3,58	Tốt
- CSDL giá đất của các đơn vị cấp huyện (cũ)	2,94	TB
<i>3. Về đồng bộ dữ liệu, kết nối, liên thông điện tử với các sở, ngành và triển khai dịch vụ công trực tuyến</i>	<i>3,49</i>	<i>Tốt</i>
- Đồng bộ CSDL địa chính (thửa đất) của các đơn vị xã, phường vào CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương	2,97	TB
- Liên thông thuế điện tử giữa cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan thuế	3,94	Tốt
- Kết nối giữa hệ thống thông tin đất đai với Cổng dịch vụ công của tỉnh/quốc gia	3,28	TB
- Triển khai dịch vụ công trực tuyến	3,78	Tốt
<i>4. Thực trạng dữ liệu đất đai</i>	<i>3,33</i>	<i>TB</i>
- Mức độ đầy đủ 3 khối thông tin: Không gian, thuộc tính và hồ sơ quét	3,64	Tốt
- Mức độ đồng bộ và thống nhất của dữ liệu	3,39	TB
- Mức độ đầy đủ và chính xác của thông tin thuộc tính	3,36	TB
- Xác thực thông tin của chủ SĐĐ, chủ sở hữu nhà ở trên CSDL hiện có với CSDL quốc gia về dân cư	3,17	TB
- Cấu trúc dữ liệu địa chính đã được xây dựng theo quy định hiện hành	3,08	TB

Kết quả phân loại CSDLĐĐ theo 3 nhóm rà soát, phân loại số lượng thửa đất đã được cấp

giấy chứng nhận (GCN) của hộ gia đình, cá nhân như sau:

- Trước khi triển khai chiến dịch, tổng số thửa đất đã xây dựng CSDLĐĐ là 798.962, trong đó: Nhóm 1 (nhóm đã được xây dựng CSDL và dữ liệu đang được sử dụng và đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”) với 207.688 thửa, chiếm 25,99%; nhóm 2 (nhóm đã được xây dựng CSDL nhưng dữ liệu cần làm đúng, làm đủ, bổ sung và xác thực thông tin của người SDĐ) với 591.274 thửa, chiếm 74,01%; nhóm 3 (nhóm đã được xây dựng CSDL nhưng dữ liệu không sử dụng được, cần phải xây dựng lại mới) chiếm 0%.

- Kết quả thu thập các loại GCN đất ở, nhà ở nhưng chưa được xây dựng CSDLĐĐ. Tổng số GCN cần thu thập là 175.963 giấy; trong đó, số GCN đã thu thập là 140.391 giấy (đạt 79,8%), trong đó có 105.688 GCN đủ điều kiện đưa vào CSDL. Số GCN chưa được thu thập là 35.572 giấy (chiếm 20,2%) [16]. Kết quả này thấp hơn so với kết quả thực hiện tại Thành phố Hà Nội (đạt 92,4%) [18] và tỉnh Hưng Yên (86,53%) [19].

- Về kết quả rà soát danh sách chủ SDĐ chưa xác thực căn cước công dân (CCCD), tổng số thửa đất/tài sản gắn liền với đất đã được cấp GCN nhưng chưa xác thực, đối khớp với CSDL quốc gia về dân cư (bao gồm đã được xây dựng và chưa được xây dựng CSDLĐĐ) là 772.008 thửa đất/tài sản; trong đó, số lượng thửa đất đã rà soát, tổng hợp danh sách các chủ SDĐ đã được cấp GCN trong CSDLĐĐ cần xác thực, đối khớp qua CSDL quốc gia về dân cư là 666.320; số lượng thửa đất được rà soát, tổng hợp danh sách các chủ SDĐ đã cấp GCN nhưng chưa được xây dựng CSDLĐĐ cần xác thực, đối khớp qua CSDL quốc gia về dân cư là 105.688.

- Kết quả xây dựng, hoàn thiện CSDLĐĐ “đúng - đủ - sạch - sống” và tạo lập dữ liệu mới đối với GCN “đúng - đủ - sạch - sống” là 574.028 thửa đất (chiếm 49% thửa đất có dữ liệu) (gồm nhóm 1 và thửa đất nhóm 2 đã được hoàn thiện đúng - đủ - sạch - sống; thửa đất ở, nhà ở đã được cấp GCN nhưng chưa có dữ liệu, được xây dựng CSDL mới trong chiến dịch này). Trong đó, nhóm 2 đã được hoàn thiện là 260.652 thửa đất (chiếm 44%). Số thửa đất ở, nhà ở đã được cấp GCN nhưng chưa có dữ liệu, được xây dựng CSDL mới trong chiến dịch này là 105.688. Số thửa đất nhóm 2 còn lại chưa được hoàn thiện là 330.622 (chiếm 56%). Nguyên nhân là do, đến thời điểm kết thúc chiến dịch chưa thực hiện

được thủ tục xác thực với Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội (C06) - Bộ Công an. Kết quả tạo lập dữ liệu mới đối với GCN nhà ở, đất ở đã cấp nhưng chưa xây dựng CSDL là 105.688 thửa đất. Trong đó, số lượng GCN đã quét (scan) và xử lý theo quy định về dữ liệu đất đai phi cấu trúc, lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được) được trích xuất, nhập các trường thông tin từ GCN vào CSDLĐĐ là 105.688 GCN; số lượng GCN về đất ở, nhà ở đã được tạo lập CSDL là 105.688 GCN.

- Đồng bộ CSDLĐĐ của địa phương về CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương: Số thửa đã đồng bộ là 1.165.302, đạt tỷ lệ 58,5%. Theo 3 nhóm thông tin: Số thửa trong CSDLĐĐ đã “đúng - đủ - sạch - sống” là 574.028 (chiếm 49%); số thửa đất nhóm 2 đã hoàn thiện “đúng - đủ - sạch - sống” là 260.652 (chiếm 44%); còn 56% chưa hoàn thiện. Theo dữ liệu đối với thửa đất ở, nhà ở đã được cấp GCN nhưng chưa được xây dựng CSDLĐĐ trước đây là 105.688 thửa.

Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh Nghệ An đã thực hiện kết nối được với các hệ thống phần mềm (hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia; kết nối với hệ thống phần mềm ngành thuế; kết nối với CSDLĐĐ tại Trung ương). Mức độ sử dụng dữ liệu đất đai trong giải quyết TTHC, xác định nghĩa vụ tài chính là 100% đảm bảo kết nối, chia sẻ CSDLĐĐ với các cơ quan tại địa phương để tiếp nhận, giải quyết TTHC về đất đai, tài sản gắn liền với đất và xác định nghĩa vụ tài chính cho người dân, doanh nghiệp.

Quản lý, vận hành CSDLĐĐ, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn hệ thống:

- Tái cấu trúc các quy trình, TTHC về đất đai, tài sản gắn liền với đất để cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy, sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong CSDLĐĐ, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL khác để giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp. Tổng số TTHC về đất đai, tài sản gắn liền với đất đã được cắt giảm là 17 thủ tục. Số TTHC được thực hiện toàn trình trên môi trường điện tử là 3 thủ tục (gồm: Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai; đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý; cấp lại GCN do bị mất). Thời gian giải quyết TTHC được rút ngắn so với quy định giảm từ 20

ngày xuống 15 ngày (giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích SDD đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền SDD, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có SDD; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có SDD; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn SDD khi hết thời hạn SDD).

- CSDLĐĐ tỉnh được quản lý tập trung tại VPĐKĐĐ, được phân quyền cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các chi nhánh VPĐKĐĐ và UBND cấp xã để vận hành. CSDLĐĐ được đã sắp xếp theo đơn vị hành chính chính quyền địa phương 2 cấp với 130/130 xã đã thực hiện xong trên hệ thống phần mềm CSDLĐĐ của tỉnh. Số lượng thửa đất được xây dựng mã định danh thửa đất là 2.533.291.

Bảng 2. Kết quả thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An

Tiêu chí	Điểm trung bình	Đánh giá
1. Tổ chức CSDLĐĐ 2 cấp, bổ sung thông tin mã định danh thửa đất	4,24	Rất tốt
- Tổ chức CSDLĐĐ sau khi sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	4,25	Rất tốt
- Xây dựng mã định danh thửa đất để kết nối, tích hợp với nền tảng địa chỉ số quốc gia và CSDL quốc gia khác	4,22	Rất tốt
2. Kết quả hoàn thiện CSDLĐĐ đã có đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”	3,70	Tốt
- Rà soát, phân loại CSDLĐĐ theo 3 nhóm	3,89	Tốt
- Rà soát, xác thực thông tin của chủ SDD, chủ sở hữu nhà ở trên CSDL hiện có với CSDL quốc gia về dân cư	3,50	Tốt
- Rà soát, cập nhật, chỉnh lý, nhập bổ sung thông tin còn thiếu của các thửa đất, chủ SDD, chủ sở hữu tài sản vào CSDLĐĐ	3,72	Tốt
3. Thu thập, tạo lập CSDL đối với thửa đất ở, nhà ở đã được cấp GCN nhưng chưa xây dựng CSDL	3,91	Tốt
- Thu thập trực tiếp GCN, CCCD từ người dân, tổ chức	4,11	Tốt
- Số hóa, tạo lập CSDL đối với thửa đất ở, nhà ở	3,83	Tốt
- Rà soát, cập nhật thông tin GCN vào CSDL đang vận hành trên phần mềm VBDLIS	3,78	Tốt
4. Đồng bộ, kết nối, chia sẻ CSDLĐĐ thống nhất, dùng chung	3,53	Tốt
- Đồng bộ CSDLĐĐ của địa phương sau chiến dịch về CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương.	3,69	Tốt
- Kết nối, chia sẻ CSDLĐĐ với các cơ quan tại địa phương để tiếp nhận, giải quyết TTHC về đất đai, tài sản gắn liền với đất và xác định nghĩa vụ tài chính	3,36	TB
5. Quản lý, vận hành CSDLĐĐ, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn hệ thống	3,56	Tốt
- Tái cấu trúc các quy trình, TTHC về đất đai, tài sản gắn liền với đất để cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy, sử dụng thông tin, dữ liệu đã có	3,64	Tốt
- Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu	3,47	Tốt
6. Đánh giá chung	3,75	Tốt
- Mức độ thực hiện so với kế hoạch tỉnh đề ra	3,50	Tốt
- Hiệu quả ứng dụng CSDLĐĐ vào cải cách TTHC, cắt giảm hồ sơ giấy, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ	3,64	Tốt
- Mức độ kết nối, chia sẻ với các hệ thống thuế, tài chính, dịch vụ công	4,11	Tốt

Bảng 2 cho thấy, tiêu chí tổ chức CSDLĐĐ theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và bổ sung mã định danh thửa đất tại tỉnh Nghệ An được đánh giá rất tốt (4,24 điểm). CSDLĐĐ đã

được sắp xếp theo đơn vị hành chính chính quyền địa phương 2 cấp với 130/130 xã đã thực hiện xong trên hệ thống phần mềm CSDLĐĐ của tỉnh, kết quả này được cán bộ đánh giá ở mức rất tốt

với 4,25 điểm. Tiêu chí “xây dựng mã định danh thửa đất để kết nối, tích hợp với nền tảng địa chỉ số quốc gia và CSDL quốc gia khác” được đánh giá ở mức rất tốt với 4,22 điểm, số lượng thửa đất được xây dựng mã định danh thửa đất là 2.533.291 thửa đất.

Về kết quả hoàn thiện CSDLĐĐ theo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống” được đánh giá ở mức tốt (3,70 điểm), cho thấy CSDLĐĐ cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý và vận hành. Kết quả rà soát, phân loại CSDLĐĐ theo 3 nhóm đạt 3,89 điểm, với nhóm 2 chiếm 44% và không còn thửa đất thuộc nhóm 3, phản ánh dữ liệu đã được kiểm soát, hạn chế tình trạng thiếu hoặc chưa đủ điều kiện khai thác. Các tiêu chí còn lại cũng được đánh giá ở mức tốt nhưng mức điểm thấp hơn.

Công tác thu thập và tạo lập CSDL đất ở, nhà ở tại khu vực chưa xây dựng CSDL được đánh giá ở mức tốt (3,91 điểm), cao hơn mặt bằng chung của một số tiêu chí. Tỷ lệ thu thập GCN đạt 79,8%, 100% GCN đã thu thập đủ điều kiện được số hóa và cập nhật vào CSDLĐĐ. Cả 3/3 tiêu chí trong nhóm này đều được đánh giá ở mức tốt với mức điểm từ 3,78 - 4,11 điểm. Kết quả này cho thấy, CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An đã được hoàn thiện đáng kể ở các khu vực chưa xây dựng đủ dữ liệu, giúp thu hẹp khoảng cách so với yêu cầu chung toàn quốc.

Đối với công tác đồng bộ, kết nối và chia sẻ CSDLĐĐ thống nhất, dùng chung, tỉnh Nghệ An được đánh giá ở mức tốt (3,53 điểm). Tổng số thửa đất đã đồng bộ lên CSDL quốc gia là 1.165.302 thửa, đạt tỷ lệ 58,5% so với tổng số thửa có dữ liệu không gian trong CSDL địa phương. Vì vậy, tiêu chí “đồng bộ CSDLĐĐ của địa phương sau chiến dịch về CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương” được đánh giá ở mức 3,69 điểm. Kết quả này thấp hơn so với kết quả nghiên cứu ở tỉnh Hưng Yên (với 4,11 điểm) [17]. Tuy nhiên, phạm vi kết nối và chia sẻ dữ liệu đất đai tại địa phương hiện mới tập trung vào phục vụ giải quyết TTHC và xác định nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế; do đó, mức độ khai thác liên ngành còn hạn chế.

Đối với quản lý, vận hành CSDLĐĐ, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn hệ thống, tỉnh Nghệ An được đánh giá ở mức tốt (3,56 điểm); đã hình thành nền tảng vận hành CSDLĐĐ và triển khai quy trình điện tử cho toàn bộ TTHC về đất

đai, song hiệu quả chưa thực sự nổi bật so với các địa phương đi đầu. Công tác bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật thông tin được duy trì ở mức tốt (3,47 điểm), góp phần vận hành hệ thống ổn định.

Chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An được đánh giá ở mức tốt (3,75 điểm), với nhiều chỉ tiêu đạt mức tương đồng hoặc cao hơn mặt bằng chung cả nước, phản ánh mức độ triển khai đồng bộ và nghiêm túc của địa phương trong thực hiện các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ của chiến dịch. Cụ thể, tỷ lệ dữ liệu đất đai được làm sạch chưa đạt mức cao (sau chiến dịch nhóm 1 chỉ đạt 49% tổng số thửa); việc thu thập GCN tại một số xã, phường còn thấp, chậm tiến độ; kết quả đối khớp với CSDL quốc gia về dân cư còn nhiều trường hợp không tìm thấy thông tin, gây khó khăn cho việc xác thực dữ liệu. Nguyên nhân chủ yếu do khối lượng dữ liệu đất đai cần rà soát, bổ sung rất lớn, trong khi thời gian triển khai ngắn, công cụ hỗ trợ còn hạn chế và nhân lực phải thực hiện song song nhiều nhiệm vụ chuyên môn.

3.2. Hiệu quả ứng dụng VBDLIS trong vận hành và làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An

Hiệu quả ứng dụng VBDLIS trong chiến dịch được đánh giá ở mức tốt (3,40 - < 4,20 điểm) [13]. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.

- Nhóm tổ chức CSDLĐĐ theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp được đánh giá ở mức tốt (3,98 điểm); có 1/5 tiêu chí đạt rất tốt (lập bảng tham chiếu đơn vị hành chính 2 cấp với 4,22 điểm), 4/5 tiêu chí đạt mức tốt với mức 3,83 - 4,03 điểm, kết quả này thấp hơn so với kết quả nghiên cứu tại tỉnh Hưng Yên [17]. Đạt được kết quả này nhờ VBDLIS cho phép thiết lập và quản lý tập trung các bảng tham chiếu hành chính, qua đó giảm sai lệch thông tin và bảo đảm tính thống nhất giữa các cấp quản lý. Nhờ vậy, việc chuẩn hóa cấu trúc và thông tin địa chỉ thửa đất theo mô hình quản lý hành chính mới được thực hiện hiệu quả, góp phần xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai thống nhất và phục vụ chuyển đổi số.

- Nhóm bổ sung thông tin mã định danh thửa đất đạt mức đánh giá tốt (4,11 điểm). Ứng dụng VBDLIS được thiết kế ưu tiên hỗ trợ kiểm tra, đối soát và chuẩn hóa mã định danh trên CSDL hiện có. Vì vậy, hệ thống phát huy hiệu quả rõ nét ở khâu kiểm tra và chuẩn hóa, góp phần nâng cao

tính nhất quán và khả năng khai thác dữ liệu thửa đất. Vì vậy, tiêu chí kiểm tra tính hợp lệ của mã định danh thửa đất được đánh giá cao hơn tiêu chí tạo mã định danh thửa đất theo quy định.

Bảng 3. Hiệu quả ứng dụng VBDLIS trong làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An

Tiêu chí	Điểm trung bình	Đánh giá
<i>1. Tổ chức CSDLĐĐ theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp</i>	3,98	Tốt
- Lập bảng tham chiếu đơn vị hành chính 2 cấp	4,22	Rất tốt
- Lập bảng tham chiếu tờ bản đồ địa chính 2 cấp	3,89	Tốt
- Xuất bảng tham chiếu thửa đất	3,83	Tốt
- Cập nhật địa chỉ mới cho thửa đất trong bảng tham chiếu	3,94	Tốt
- Tải bảng tham chiếu thửa đất đã cập nhật địa chỉ mới lên hệ thống VBDLIS	4,03	Tốt
<i>2. Bổ sung thông tin mã định danh thửa đất</i>	4,11	Tốt
- Tạo mã định danh thửa đất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	4,00	Tốt
- Kiểm tra tính hợp lệ của mã định danh thửa đất	4,22	Rất tốt
<i>3. Rà soát, phân loại, tổng hợp kết quả phân nhóm dữ liệu đất đai</i>	3,98	Tốt
- Rà soát, đánh giá và phân loại dữ liệu địa chính trong CSDLĐĐ đã được xây dựng thành 3 nhóm	4,06	Tốt
- Tổng hợp kết quả rà soát phân loại dữ liệu đất đai cấp tỉnh, báo cáo kết quả tổng hợp phân loại dữ liệu đất đai toàn quốc	3,97	Tốt
- Xuất biểu phân loại thửa đất	3,92	Tốt
<i>4. Thu thập thông tin các loại GCN, xây dựng dữ liệu đất ở, nhà ở đối với nơi chưa xây dựng CSDL</i>	4,02	Tốt
- Hỗ trợ công tác thu thập trực tiếp GCN, CCCD từ người dân, tổ chức	4,11	Tốt
- Hỗ trợ giải pháp số hóa, tạo lập CSDL đối với thửa đất ở, nhà ở	4,00	Tốt
- Hỗ trợ bóc tách, nhập liệu thông tin bằng công nghệ AI OCR	3,97	Tốt
- Xuất biểu mẫu thông tin GCN	4,00	Tốt
<i>5. Đồng bộ, kết nối, chia sẻ CSDLĐĐ thống nhất, dùng chung</i>	4,06	Tốt
- Đồng bộ CSDLĐĐ của địa phương sau chiến dịch về CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương.	4,08	Tốt
- Kết nối, chia sẻ CSDLĐĐ với các cơ quan tại địa phương để tiếp nhận, giải quyết TTHC về đất đai, tài sản gắn liền với đất và xác định nghĩa vụ tài chính.	4,03	Tốt
- Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu trong quá trình vận hành hệ thống thông tin đất đai VBDLIS theo đúng quy định.	4,06	Tốt

- Nhóm rà soát, phân loại, tổng hợp kết quả phân nhóm dữ liệu đất đai đánh giá chung đạt mức tốt (3,98 điểm), cả 3 tiêu chí trong nhóm đều được đánh giá ở mức tốt. Trong đó, tiêu chí rà soát, đánh giá và phân loại dữ liệu địa chính trong CSDLĐĐ đã được xây dựng thành 3 nhóm đạt mức điểm cao nhất với 4,06 điểm, kết quả này đạt được do khả năng của hệ thống trong việc hỗ trợ cơ quan quản lý xác định rõ hiện trạng dữ liệu theo từng nhóm. Đây là cơ sở để địa phương xác định rõ các nhóm dữ liệu còn thiếu, chưa đầy đủ

hoặc cần ưu tiên xử lý, làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện và làm giàu CSDLĐĐ.

- Nhóm thu thập thông tin các loại GCN, xây dựng dữ liệu đất ở, nhà ở đối với nơi chưa xây dựng CSDL đạt mức đánh giá tốt (4,02 điểm), với 4/4 tiêu chí thành phần được đánh giá tốt. Kết quả này gắn liền với việc hệ thống tích hợp các công cụ số hóa và nhận dạng ký tự tự động, góp phần rút ngắn thời gian xử lý và hạn chế sai sót trong nhập liệu. Qua đó, thông tin về đất ở, nhà ở trong CSDLĐĐ được bổ sung và hoàn thiện, góp phần

nâng cao mức độ đầy đủ và khả năng sử dụng của dữ liệu phục vụ công tác QLDD.

- Nhóm đồng bộ, kết nối, chia sẻ CSDLDD thống nhất, dùng chung đạt mức đánh giá tốt (4,06 điểm); trong đó tiêu chí đồng bộ CSDLDD của địa phương sau chiến dịch về CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương đạt điểm cao nhất với 4,08 điểm. Kết quả này thể hiện VBDLIS đã hỗ trợ hiệu quả việc đồng bộ và kết nối CSDLDD của địa phương với CSDL quốc gia, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng CSDLDD thống nhất, dùng chung trong tiến trình chuyển đổi số ngành QLDD. Đây là cơ sở khẳng định vai trò

của VBDLIS trong việc thúc đẩy chuyển đổi số QLDD ở cấp địa phương. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Đỗ Thị Tám và cs (2026) [17] về tính khả thi của VBDLIS trong cập nhật và chỉnh lý biến động CSDL địa chính tại tỉnh Hưng Yên.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng VBDLIS trong làm giàu, làm sạch CSDLDD

3.3.1. Phân tích SWOT

Kết quả điều tra và phân tích SWOT được tổng hợp ở bảng 4.

Bảng 4. Kết quả phân tích SWOT

Tiêu chí	Điểm trung bình	Đánh giá
1. Điểm mạnh - Strengths		
- Giao diện bằng tiếng Việt, trực quan, thân thiện với người dùng	4,22	Rất đồng ý
- Tự động hóa quy trình nghiệp vụ, giảm thời gian xử lý	4,31	Rất đồng ý
- Chuẩn hóa dữ liệu theo quy định và quy trình ISO	4,25	Rất đồng ý
- Khả năng cập nhật, tích hợp, đồng bộ, chia sẻ và khai thác dữ liệu	4,22	Rất đồng ý
2. Điểm yếu - Weaknesses		
- Yêu cầu kỹ năng CNTT cao, gây khó khăn với một số cán bộ cơ sở/cán bộ lớn tuổi	3,33	Phân vân
- Mức độ phụ thuộc vào hạ tầng CNTT tin và nhà cung cấp	4,22	Rất đồng ý
- Tính đồng bộ và chất lượng của dữ liệu chưa hoàn chỉnh, khó chuẩn hóa trong thời gian ngắn	3,17	Phân vân
3. Cơ hội - Opportunities		
- Kế thừa nền tảng CSDL địa chính đã xây dựng	4,39	Rất đồng ý
- Chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số trên toàn quốc	4,42	Rất đồng ý
- Tăng khả năng kết nối, liên thông, tích hợp CSDL giữa các cấp, các ngành	4,33	Rất đồng ý
- Khả năng mở rộng ứng dụng GIS phục vụ quản lý đa mục tiêu (thanh tra, quy hoạch, xây dựng, môi trường...)	4,36	Rất đồng ý
4. Thách thức - Threats		
- Rủi ro an ninh mạng và rò rỉ dữ liệu	4,36	Rất đồng ý
- Thiếu nhân lực quản trị, vận hành hệ thống tại địa phương	4,33	Rất đồng ý
- Chi phí bảo trì, vận hành cao	4,31	Rất đồng ý

3.3.2. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng VBDLIS trong làm giàu, làm sạch CSDLDD

- Về kỹ thuật: Hoàn thiện hạ tầng CNTT phục vụ vận hành VBDLIS theo hướng đồng bộ và mở rộng, ưu tiên nâng cấp máy chủ, lưu trữ và sao lưu dữ liệu nhằm bảo đảm hiệu suất xử lý khi quy

mô dữ liệu và người dùng tăng lên. Tăng cường kiểm tra tự động và cảnh báo lỗi để giảm bớt các thao tác thủ công và nâng cao độ chính xác của CSDLDD.

- Về tổ chức và vận hành: Hoàn thiện mô hình quản lý, vận hành CSDLDD trên cơ sở phân định rõ trách nhiệm giữa các cấp và đơn vị liên

quan; nâng cao trình độ của cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở ở những vùng có điều kiện khó khăn; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhằm bảo đảm dữ liệu được cập nhật kịp thời, thống nhất và phục vụ hiệu quả cải cách TTHC.

- Về chuẩn dữ liệu và liên thông: Ban hành quy chuẩn, quy trình thống nhất về tiêu chuẩn dữ liệu, phân quyền truy cập, bảo mật và giám sát an toàn hệ thống; tăng cường chuẩn hóa cấu trúc, danh mục dùng chung và mã hóa thông tin trong CSDLĐĐ nhằm bảo đảm tính thống nhất và khả năng liên thông. Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Công an - Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đặc biệt trong chia sẻ dữ liệu và xử lý sự cố an toàn thông tin.

- Về khai thác dữ liệu và tạo giá trị gia tăng: Nâng cao hiệu quả khai thác CSDLĐĐ trong quản lý nhà nước; sử dụng dữ liệu đã được làm sạch, chuẩn hóa cho các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; phát triển các dịch vụ khai thác dữ liệu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Về chính sách và bảo đảm nguồn lực: Tăng cường nguồn lực đầu tư cho hạ tầng CNTT (máy chủ, đường truyền chuyên dùng, hệ thống sao lưu - dự phòng) cho địa phương. Tăng cường giám sát chất lượng dữ liệu; bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ.

4. KẾT LUẬN

VBDLIS giữ vai trò quan trọng trong triển khai chiến dịch làm giàu, làm sạch CSDLĐĐ tại tỉnh Nghệ An. Phần lớn các tiêu chí được đánh giá ở mức tốt và rất tốt, đặc biệt ở các chức năng tổ chức dữ liệu, đồng bộ, kết nối, chia sẻ và cập nhật CSDLĐĐ. Tuy nhiên, chất lượng dữ liệu, công tác rà soát, phân loại và mức độ khai thác liên thông liên ngành vẫn còn hạn chế. Mặc dù có các lợi thế về tự động hóa, chuẩn hóa dữ liệu và khả năng tích hợp, nhưng việc ứng dụng VBDLIS vẫn phải đối mặt với những thách thức như hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực, chi phí vận hành và an toàn thông tin. Nghiên cứu cũng đưa ra 5 nhóm giải pháp (về kỹ thuật, tổ chức và vận hành, chuẩn dữ liệu và liên thông, khai thác dữ liệu và tạo giá trị gia tăng, chính sách và bảo đảm nguồn lực) nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng VBDLIS trong làm giàu, làm sạch CSDL, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành QLĐĐ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.

[2]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

[3]. Đỗ Thị Tám, Trần Trọng Phương, Trương Đỗ Thuỳ Linh (2024). *Chuyển đổi số: Động lực và giải pháp quan trọng để quản lý tài nguyên và môi trường trong kỷ nguyên công nghệ số*. Kỷ yếu hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc. ISBN: 978-604-4984-59-9. Nxb Đại học Cần Thơ. 78 - 90.

[4]. Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*.

[5]. Quốc hội (2024). *Luật Đất đai số 31/2024/QH15*.

[6]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022). *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao*.

[7]. Bộ Công an - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). *Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai*.

[8]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021). *Công văn số 340/BTNMT-TCQLĐĐ về thông báo kết quả đánh giá phần mềm xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai*.

[9]. Cục Quản lý đất đai (2025). *Công văn số 2571/QLĐĐ-TKKTĐĐ về việc ban hành tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai*.

[10]. Công ty Cổ phần Tin học - Bản đồ Việt Nam (2021). *Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin đất đai VBDLIS*.

[11]. Trương Đỗ Thuỳ Linh (2023). *Nghiên cứu hoàn thiện cơ sở dữ liệu quy hoạch sử dụng đất phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng*

Tàu. Đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

[12]. Trương Đỗ Thùy Linh, Đỗ Thị Tám, Nguyễn Xuân Kha, Bùi Ngọc Hoàng Vân & Dương Thị Hương Giang (2025). *Ứng dụng phần mềm VBDLIS trong cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu địa chính cấp cơ sở: Trường hợp nghiên cứu tại xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa (cũ)*. Kỷ yếu Hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc. 438 - 452.

[13]. Likert R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. Archives of Psychology. Vol. 140, No. 55 (5 - 55).

[14]. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2025). *Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉnh Nghệ An năm 2024*.

[15]. Tỉnh ủy Nghệ An (2025). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX*. Báo cáo số 692-BC/TU.

[16]. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An (2025). *Báo cáo số 1888/BC-VPĐK về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và kế hoạch công tác đến hết năm 2025*.

[17]. Đỗ Thị Tám, Nguyễn Tuấn Anh, Trương Đỗ Thùy Linh, Tạ Minh Ngọc, Phạm Anh Tuấn (2026). *Ứng dụng VBDLIS trong làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai: Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Hưng Yên*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, 15(3): 98 - 109.

[18]. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (2025). *Báo cáo tổng kết triển khai thực hiện chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo Kế hoạch số 515 /KH-BCA-BNN&MT của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Thành phố Hà Nội*.

[19]. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên (2025). *Báo cáo tổng kết triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tỉnh Hưng Yên*.

APPLYING VBDLIS IN ENRICHING AND CLEANING THE LAND DATABASE IN NGHE AN PROVINCE

Nguyen Dinh Trung¹, Nguyen Quang Thi²

¹*Vietnam National University of Agriculture*

²*Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry*

Abstract

This article aims to assess the current situation and propose solutions for applying the VBDLIS software in the campaign to enrich and clean up the land database in Nghe An province. The methods used are: document and data collection; Likert scale evaluation and SWOT analysis. The results of the 36-point survey show that VBDLIS can play an important role in developing the campaign's objectives, with 14 out of 15 criteria groups rated as good and 1 out of 15 criteria rated as very good. At the end of the campaign, Nghe An province completed the organization of the land database according to the two-tiered local government model; the total number of land parcels included in the national land database belonging to land group I is 574,028, using a rate of 49%; the number of land parcels synchronized to the national land database is 1,165,302. The system created and installed a database of 105,688 land parcels. However, some aspects remain limited, namely data control, classification, authentication, and exploitation. The study has highlighted the global benefits, limitations, opportunities and challenges in applying the software and proposed several solutions (technical, operational organization, data Standards and interoperability, data exploitation and value creation, policy and resource assurance) to improve the efficiency of land database exploitation in Nghe An province.

Keywords: *VBDLIS, database, land management, Nghe An province.*

Ngày nhận bài: 25/02/2026

Ngày chuyển phản biện: 10/3/2026

Ngày thông qua phản biện: 02/4/2026

Ngày duyệt đăng: 22/4/2026